SAO Y
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre
Thời gian ký: 20/12/2023 15:35:45 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /2023/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 20 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5437/TTr-STNMT ngày 29 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre *(theo Phụ lục đính kèm)*.

Giá sản phẩm chưa bao gồm chi phí lập dự toán; chi phí kiểm tra, nghiệm thu; thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thực hiện dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre được Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Đối tượng và mức miễn, giảm

Được miễn, giảm một lần khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể:

1. Miễn 100% đối với các trường hợp:

a) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, con liệt sĩ;

b) Biến động thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên.

2. Giảm 50% đối với các trường hợp: Người sử dụng đất là hộ gia đình nghèo, cận nghèo, neo đơn, khuyết tật, ảnh hưởng chất độc da cam, hóa học.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan chức năng có liên quan tổng hợp những khó khăn, vướng mắc báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để thực hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- Ban Tiếp dân (để niêm yết);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre;
- Phòng: TCĐT, KT, TH;
- Lưu: VT, XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Tam

Phụ lục

GIÁ DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 55 /2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
I	**ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐƠN LẺ TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**		
1	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	318.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	318.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	374.000
2	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp cấp chung trong một Giấy chứng nhận thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính bằng:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	48.000
3	Đối với các hồ sơ đăng ký không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận thì được tính bằng:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	131.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	131.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	131.000
4	Trường hợp có kê khai đăng ký nhưng người sử dụng đất không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận thì được tính bằng:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	286.000

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	286.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	336.000
5	Trường hợp người sử dụng đất đã đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật mà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	187.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	187.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	243.000
6	Trường hợp đặc biệt: Hồ sơ phải gửi, nhận phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài sản, được tính thêm nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	117.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	153.000
II	**ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI TỔ CHỨC:**		
1	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	310.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	310.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	403.000
2	Trường hợp có kê khai đăng ký nhưng không thuộc trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	155.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	155.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	201.000
3	Trường hợp đăng ký nhưng người sử dụng đất không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận:		

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với đất	Hồ sơ	279.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	279.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	362.000
4	Trường hợp người sử dụng đất đã đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật mà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	310.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	310.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	403.000
5	**Các trường hợp đặc biệt khác**: Trường hợp phải kiểm tra xác minh thực địa với hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, xác nhận sơ đồ tài sản trong trường hợp chưa có xác nhận của cơ quan có tư cách pháp nhân hành nghề về đo đạc, xây dựng được tính thêm nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	613.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	613.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	797.000
III	**ĐĂNG KÝ, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN:**		
1	Đăng ký, cấp đổi Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	65.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	52.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	81.000
2	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp cấp chung trong một Giấy chứng nhận thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính bằng:		

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với đất	Hồ sơ	15.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	11.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	19.000
3	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	65.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	52.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	81.000
4	Trường hợp có kê khai đăng ký, nhưng người sử dụng đất không đổi Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	59.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	47.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	73.000
5	**Trường hợp đặc biệt khác**: Cấp đổi Giấy chứng nhận đang thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào Giấy chứng nhận sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi, được tính thêm nội dung thực hiện tại địa bàn cấp huyện:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	13.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	13.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	17.000
	Ghi chú: (1) Trường hợp thửa đất đã cấp GCN mà có thay đổi về mục đích sử dụng đất, ranh giới thửa đất thì áp dụng theo như trường hợp cấp GCN riêng lẻ lần đầu Mục I bộ đơn giá này. (2) Trường hợp cấp đổi GCN đối với thửa đất có biến động khác về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (chuyển quyền sử dụng đất, thay đổi về tài sản gắn liền với đất, v.v...) thì áp dụng theo như trường hợp đăng ký		

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
	biến động đất đai quy định tại Mục V bộ đơn giá này. (3) Trường hợp cấp đổi GCN đồng thời với thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai thì áp dụng theo đăng ký biến động đất đai quy định tại Mục V bộ đơn giá này.		
IV	**ĐĂNG KÝ, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC:**		
1	Đăng ký, cấp đổi Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	255.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	280.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	408.000
2	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	255.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	280.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	408.000
3	Trường hợp có kê khai đăng ký, nhưng người sử dụng đất không đổi Giấy chứng nhận:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	230.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	252.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	367.000
4	**Trường hợp đặc biệt khác**: Cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào Giấy chứng nhận sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi, được tính thêm nội dung thực hiện tại địa bàn cấp tỉnh:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	13.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	13.000

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	17.000
	Ghi chú: Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đồng thời với thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai thì áp dụng theo đăng ký biến động đất đai quy định tại Mục VI bộ đơn giá này.		
V	**ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**		
A	**Đăng ký biến động, chỉnh lý Giấy chứng nhận cũ, không cấp mới Giấy chứng nhận:**		
1	Chuyển đổi, chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Góp vốn hoặc xoá góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	111.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	118.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	107.000
2	Thay đổi thông tin về thửa đất (đo đạc chỉnh lý bản đồ):		
-	Đối với đất	Thửa	100.000
-	Đối với tài sản	Thửa	106.000
-	Đối với đất và tài sản	Thửa	96.000
3	Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất; thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; đăng ký cho thuê, cho thuê lại hoặc xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Chuyển đổi hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thành tổ chức kinh tế của hộ gia đình cá nhân đó mà không thuộc trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; ghi nợ hoặc xóa nợ về nghĩa vụ tài chính; các trường hợp đăng ký biến động khác:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	66.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	70.000

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	64.000
B	**Đăng ký biến động, cấp mới Giấy chứng nhận:**		
1	Chuyển đổi, chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Góp vốn hoặc xoá góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	226.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	232.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	253.000
2	Thay đổi thông tin về thửa đất (Đo đạc tách thửa đất, hợp thửa đất):		
-	Đối với đất	Thửa	203.000
-	Đối với tài sản	Thửa	209.000
-	Đối với đất và tài sản	Thửa	228.000
3	Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất; đăng ký cho thuê, cho thuê lại hoặc xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Chuyển đổi hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thành tổ chức kinh tế của hộ gia đình cá nhân đó mà không thuộc trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; ghi nợ hoặc xóa nợ về nghĩa vụ tài chính; các trường hợp đăng ký biến động khác:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	**158.000**
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	**163.000**
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	**177.000**
VI	**ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC:**		
A	**Đăng ký biến động, chỉnh lý Giấy chứng nhận cũ, không cấp mới Giấy chứng nhận:**		
1	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Góp vốn hoặc xoá góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp:		

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với đất	Hồ sơ	160.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	147.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	204.000
2	Thay đổi thông tin về thửa đất (đo đạc chỉnh lý bản đồ):		
-	Đối với đất	Thửa	112.000
-	Đối với tài sản	Thửa	103.000
-	Đối với đất và tài sản	Thửa	143.000
3	Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất; thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; đăng ký cho thuê, cho thuê lại hoặc xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ; các trường hợp đăng ký biến động khác:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	80.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	73.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	102.000
B	**Đăng ký biến động, cấp mới Giấy chứng nhận:**		
1	Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Góp vốn hoặc xoá góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	308.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	294.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	396.000
2	Thay đổi thông tin về thửa đất (Đo đạc tách thửa đất, hợp thửa đất):		
-	Đối với đất	Thửa	246.000

Số TT	Danh mục sản phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
-	Đối với tài sản	Thửa	235.000
-	Đối với đất và tài sản	Thửa	317.000
3	Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất; đăng ký cho thuê, cho thuê lại hoặc xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ; các trường hợp đăng ký biến động khác:		
-	Đối với đất	Hồ sơ	250.000
-	Đối với tài sản	Hồ sơ	241.000
-	Đối với đất và tài sản	Hồ sơ	315.000